TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** ******* Số: 120/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do - Hạnh Phúc.** **--------** *T, ngày 22 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Đều trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, TP H.

Căn cứ vào các điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,58,81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2021 ngày 15 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổ ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T thoả thuận thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Có 01 con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 04/10/2016. Anh chị thỏa thuận giao chị N chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn S, đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

1.3.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0022592 ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Trả lại chị Nguyễn Thị N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ

(Đã ký)

Đoàn Lan H